

DANH SÁCH THÍ SINH THI VÒNG 2
CUỘC THI VÔ ĐỊCH TOEFL JUNIOR DÀNH CHO HỌC SINH THCS 2015-2016 TẠI THÁI NGUYÊN

Thời gian thi: 9h00-12h00 ngày 10/01/2016

Địa điểm thi: Trường THCS Nha Trang; Tổ 29 phường Phan Đình Phùng, thành phố Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên

STT No.	Họ và tên Full name		Ngày/tháng/năm sinh Date of birth dd/mm/yyyy	Số báo danh	Lớp Class	Khối Grade	Tên Trường School	Quận District	Thành phố City	Phòng thi
1	Nông Thanh	Hải	5/Sep/04	51700944	6C	6	THCS Chùa Hang I	Đồng Hỷ	Thái Nguyên	Phòng thi số 1
2	Nông Tiến	Dũng	19/Nov/04	51700945	6C	6	THCS Chùa Hang I	Đồng Hỷ	Thái Nguyên	Phòng thi số 1
3	Lê Nguyễn Quang	Minh	20/Nov/03	51700949	7A	7	THCS Chùa Hang I	Đồng Hỷ	Thái Nguyên	Phòng thi số 1
4	Hà Quang	Nam	23/Apr/02	51700951	8B	8	THCS Chùa Hang I	Đồng Hỷ	Thái Nguyên	Phòng thi số 1
5	Lê Huy	Hoàng	13/Nov/02	51700952	8B	8	THCS Chùa Hang I	Đồng Hỷ	Thái Nguyên	Phòng thi số 1
6	Lưu Đức	Toàn	4/Nov/01	51700955	9C	9	THCS Chùa Hang I	Đồng Hỷ	Thái Nguyên	Phòng thi số 1
7	Nguyễn Tiến	Dũng	12/Aug/01	51700956	9C	9	THCS Chùa Hang I	Đồng Hỷ	Thái Nguyên	Phòng thi số 1
8	Hà Phương	Ngân	16/Sep/03	51701024	7A	7	THCS Chùa Hang II	Đồng Hỷ	Thái Nguyên	Phòng thi số 1
9	Lâm Ngọc	Bảo	14/Oct/03	51701027	7A	7	THCS Chùa Hang II	Đồng Hỷ	Thái Nguyên	Phòng thi số 1
10	Nguyễn Mai	Ngân	1/Jul/03	51701033	7A	7	THCS Chùa Hang II	Đồng Hỷ	Thái Nguyên	Phòng thi số 1
11	Nguyễn Quang	Anh	19/Aug/03	51701036	7A	7	THCS Chùa Hang II	Đồng Hỷ	Thái Nguyên	Phòng thi số 1
12	Nguyễn Thị Vân	Anh	30/Jul/03	51701038	7A	7	THCS Chùa Hang II	Đồng Hỷ	Thái Nguyên	Phòng thi số 1
13	Nguyễn Trung	Nghĩa	20/Feb/03	51701040	7A	7	THCS Chùa Hang II	Đồng Hỷ	Thái Nguyên	Phòng thi số 1
14	Phan Thu	Ngân	3/Oct/03	51701041	7A	7	THCS Chùa Hang II	Đồng Hỷ	Thái Nguyên	Phòng thi số 1
15	Phùng Minh	Ngọc	5/Aug/03	51701042	7A	7	THCS Chùa Hang II	Đồng Hỷ	Thái Nguyên	Phòng thi số 1
16	Trần Thiên	Bảo	18/Jun/03	51701043	7A	7	THCS Chùa Hang II	Đồng Hỷ	Thái Nguyên	Phòng thi số 1
17	Nguyễn Trung	Hiếu	5/Nov/03	51701044	7B	7	THCS Chùa Hang II	Đồng Hỷ	Thái Nguyên	Phòng thi số 1
18	Bùi Viết	Dũng	28/Jan/02	51701046	8A	8	THCS Chùa Hang II	Đồng Hỷ	Thái Nguyên	Phòng thi số 1
19	Chu Thúy	Ngân	30/Aug/02	51701047	8A	8	THCS Chùa Hang II	Đồng Hỷ	Thái Nguyên	Phòng thi số 1
20	Hà Thanh	Thảo	21/Jan/02	51701049	8A	8	THCS Chùa Hang II	Đồng Hỷ	Thái Nguyên	Phòng thi số 1

STT No.	Họ và tên Full name		Ngày/tháng/năm sinh Date of birth dd/mm/yyyy	Số báo danh	Lớp Class	Khối Grade	Tên Trường School	Quận District	Thành phố City	Phòng thi
21	Khúc Hoàng	Huy	4/Oct/02	51701050	8A	8	THCS Chùa Hang II	Đồng Hỷ	Thái Nguyên	Phòng thi số 1
22	Nguyễn Hồng	Hạnh	13/Sep/02	51701053	8A	8	THCS Chùa Hang II	Đồng Hỷ	Thái Nguyên	Phòng thi số 1
23	Nguyễn Khắc	Tuấn	4/Aug/02	51701054	8A	8	THCS Chùa Hang II	Đồng Hỷ	Thái Nguyên	Phòng thi số 1
24	Nguyễn Quang	Huy	14/Sep/02	51701057	8A	8	THCS Chùa Hang II	Đồng Hỷ	Thái Nguyên	Phòng thi số 1
25	Phạm Khánh	Ly	10/Sep/02	51701059	8A	8	THCS Chùa Hang II	Đồng Hỷ	Thái Nguyên	Phòng thi số 2
26	Trần Khánh	Duy	6/Aug/02	51701065	8A	8	THCS Chùa Hang II	Đồng Hỷ	Thái Nguyên	Phòng thi số 2
27	Chu Khánh	Hạnh	26/Jan/01	51701069	9A	9	THCS Chùa Hang II	Đồng Hỷ	Thái Nguyên	Phòng thi số 2
28	Đàm Ngọc	Anh	18/Sep/01	51701072	9A	9	THCS Chùa Hang II	Đồng Hỷ	Thái Nguyên	Phòng thi số 2
29	Lê Trung	Hiếu	11/Nov/01	51701081	9A	9	THCS Chùa Hang II	Đồng Hỷ	Thái Nguyên	Phòng thi số 2
30	Nguyễn Anh	Nhật	19/Dec/01	51701085	9A	9	THCS Chùa Hang II	Đồng Hỷ	Thái Nguyên	Phòng thi số 2
31	Nguyễn Bình	Nguyên	13/Jul/01	51701086	9A	9	THCS Chùa Hang II	Đồng Hỷ	Thái Nguyên	Phòng thi số 2
32	Nguyễn Kiều	Mai	12/May/01	51701089	9A	9	THCS Chùa Hang II	Đồng Hỷ	Thái Nguyên	Phòng thi số 2
33	Nguyễn Phương	Anh	22/Feb/01	51701095	9A	9	THCS Chùa Hang II	Đồng Hỷ	Thái Nguyên	Phòng thi số 2
34	Nguyễn Trung	Hiếu	15/Mar/01	51701101	9A	9	THCS Chùa Hang II	Đồng Hỷ	Thái Nguyên	Phòng thi số 2
35	Nguyễn Trung	Nguyên	6/Feb/01	51701102	9A	9	THCS Chùa Hang II	Đồng Hỷ	Thái Nguyên	Phòng thi số 2
36	Nguyễn Văn	Trung	19/Dec/01	51701103	9A	9	THCS Chùa Hang II	Đồng Hỷ	Thái Nguyên	Phòng thi số 2
37	Tô Nhật	Thành	25/Apr/01	51701109	9A	9	THCS Chùa Hang II	Đồng Hỷ	Thái Nguyên	Phòng thi số 2
38	Trần Hải	Nam	12/Sep/01	51701110	9A	9	THCS Chùa Hang II	Đồng Hỷ	Thái Nguyên	Phòng thi số 2
39	Triệu Trung	Hiếu	6/Jan/01	51701111	9A	9	THCS Chùa Hang II	Đồng Hỷ	Thái Nguyên	Phòng thi số 2
40	Nguyễn Thị Ngọc	Linh	20/Aug/03	51701122	7D	7	THCS Đỗ Cận	Phổ Yên	Thái Nguyên	Phòng thi số 2
41	Nguyễn Đức	Bách	8/Oct/04	51701153	6A	6	THCS Đồng Tiến	Phổ Yên	Thái Nguyên	Phòng thi số 2
42	Nguyễn Tiến	Thành	9/Apr/04	51701156	6A	6	THCS Đồng Tiến	Phổ Yên	Thái Nguyên	Phòng thi số 2
43	Đoàn Quang	Huy	20/Sep/02	51701163	8A	8	THCS Đồng Tiến	Phổ Yên	Thái Nguyên	Phòng thi số 2
44	Nguyễn Nhật	Huy	12/Aug/02	51701180	8A	8	THCS Hồng Tiến	Phổ Yên	Thái Nguyên	Phòng thi số 2
45	Nguyễn Ngọc	Hà	4/Sep/03	51701183	7C	7	THCS Thị Trấn Đu	Phú Lương	Thái Nguyên	Phòng thi số 2
46	Hà Linh	Chi	3/Apr/02	51701184	8A	8	THCS Thị Trấn Đu	Phú Lương	Thái Nguyên	Phòng thi số 2
47	Nguyễn Ngọc Cẩm	Tú	7/Nov/02	51701186	8C	8	THCS Thị Trấn Đu	Phú Lương	Thái Nguyên	Phòng thi số 2
48	Đào Phương	Trang	19/Sep/04	51701324	6A1	6	THCS Quang Trung	Phường Quang Trung	Thái Nguyên	Phòng thi số 2
49	Nguyễn Quang	Mạnh	30/Jul/04	51701338	6A2	6	THCS Quang Trung	Phường Quang Trung	Thái Nguyên	Phòng thi số 3

STT No.	Họ và tên Full name		Ngày/tháng/năm sinh Date of birth dd/mm/yyyy	Số báo danh	Lớp Class	Khối Grade	Tên Trường School	Quận District	Thành phố City	Phòng thi
50	Vũ Thị Thu	Thảo	21/May/04	51701343	6A3	6	THCS Quang Trung	Phường Quang Trung	Thái Nguyên	Phòng thi số 3
51	Dương Phương	Anh	22/Oct/04	51701345	6A4	6	THCS Quang Trung	Phường Quang Trung	Thái Nguyên	Phòng thi số 3
52	Nguyễn Bảo	Lâm	11/Aug/04	51701346	6A4	6	THCS Quang Trung	Phường Quang Trung	Thái Nguyên	Phòng thi số 3
53	Nguyễn Duy	Cường	11/Jul/04	51701347	6A4	6	THCS Quang Trung	Phường Quang Trung	Thái Nguyên	Phòng thi số 3
54	Nguyễn Quang	Huy	4/Sep/04	51701348	6A4	6	THCS Quang Trung	Phường Quang Trung	Thái Nguyên	Phòng thi số 3
55	Phí Đức	Toàn	17/Jun/04	51701351	6A4	6	THCS Quang Trung	Phường Quang Trung	Thái Nguyên	Phòng thi số 3
56	Chu Quang	Thịnh	23/Jun/02	51701356	8A1	8	THCS Quang Trung	Phường Quang Trung	Thái Nguyên	Phòng thi số 3
57	Đặng Bảo	Ngọc	17/Jul/02	51701357	8A1	8	THCS Quang Trung	Phường Quang Trung	Thái Nguyên	Phòng thi số 3
58	Hoàng Đức	Trung	28/Jun/02	51701361	8A2	8	THCS Quang Trung	Phường Quang Trung	Thái Nguyên	Phòng thi số 3
59	Đồng Tú	Oanh	22/Aug/01	51701197	9A4	9	THCS Lương Sơn	Sông Công	Thái Nguyên	Phòng thi số 3
60	Nguyễn Kim	Ngân	5/May/01	51701198	9A4	9	THCS Lương Sơn	Sông Công	Thái Nguyên	Phòng thi số 3
61	Nguyễn Bảo	Ngọc	4/Jan/04	51701206	6A1	6	THCS Nguyễn Du	Sông Công	Thái Nguyên	Phòng thi số 3
62	Mai Thu	Trang	30/May/03	51701220	7B1	7	THCS Nguyễn Du	Sông Công	Thái Nguyên	Phòng thi số 3
63	Nguyễn Thị Thanh	Xuân	10/Dec/03	51701224	7B1	7	THCS Nguyễn Du	Sông Công	Thái Nguyên	Phòng thi số 3
64	Trần Thanh	Hà	1/Aug/03	51701230	7B6	7	THCS Nguyễn Du	Sông Công	Thái Nguyên	Phòng thi số 3
65	Triệu Tú	Quyên	24/Dec/01	51701314	9B	9	THCS Thăng Lợi	Sông Công	Thái Nguyên	Phòng thi số 3
66	Lê Ngọc	Anh	4/Oct/04	51700269	6A1	6	THCS 915 Gia Sàng	TP. Thái Nguyên	Thái Nguyên	Phòng thi số 3
67	Trần Bảo	Cúc	8/Feb/04	51700282	6A1	6	THCS 915 Gia Sàng	TP. Thái Nguyên	Thái Nguyên	Phòng thi số 3
68	Chu Hồng	Khánh	14/Apr/04	51700285	6A2	6	THCS 915 Gia Sàng	TP. Thái Nguyên	Thái Nguyên	Phòng thi số 3
69	Hoàng Thu	Uyên	17/Jul/04	51700286	6A2	6	THCS 915 Gia Sàng	TP. Thái Nguyên	Thái Nguyên	Phòng thi số 3
70	Ngô An	Vi	7/Aug/04	51700287	6A2	6	THCS 915 Gia Sàng	TP. Thái Nguyên	Thái Nguyên	Phòng thi số 3
71	Nguyễn Lê	Hoàng	4/Jul/04	51700289	6A2	6	THCS 915 Gia Sàng	TP. Thái Nguyên	Thái Nguyên	Phòng thi số 3
72	Nguyễn Linh	Phương	10/Jul/04	51700290	6A2	6	THCS 915 Gia Sàng	TP. Thái Nguyên	Thái Nguyên	Phòng thi số 3
73	Nguyễn Thị Quỳnh	Ngân	18/Jun/04	51700292	6A2	6	THCS 915 Gia Sàng	TP. Thái Nguyên	Thái Nguyên	Phòng thi số 4
74	Nguyễn Thị Thùy	Linh	15/Aug/04	51700293	6A2	6	THCS 915 Gia Sàng	TP. Thái Nguyên	Thái Nguyên	Phòng thi số 4
75	Nông Mạnh	Kiên	11/Mar/04	51700295	6A2	6	THCS 915 Gia Sàng	TP. Thái Nguyên	Thái Nguyên	Phòng thi số 4
76	Phạm Hà Nam	Khánh	3/Aug/04	51700296	6A2	6	THCS 915 Gia Sàng	TP. Thái Nguyên	Thái Nguyên	Phòng thi số 4
77	Đỗ Quỳnh	Hương	8/Nov/04	51700301	6A3	6	THCS 915 Gia Sàng	TP. Thái Nguyên	Thái Nguyên	Phòng thi số 4
78	Dương Minh	Hiếu	29/Sep/04	51700302	6A3	6	THCS 915 Gia Sàng	TP. Thái Nguyên	Thái Nguyên	Phòng thi số 4

STT No.	Họ và tên Full name		Ngày/tháng/năm sinh Date of birth dd/mm/yyyy	Số báo danh	Lớp Class	Khối Grade	Tên Trường School	Quận District	Thành phố City	Phòng thi
79	Lê Thanh	Hải	30/Aug/04	51700304	6A3	6	THCS 915 Gia Sàng	TP. Thái Nguyên	Thái Nguyên	Phòng thi số 4
80	Nguyễn Đức	Trọng	20/Apr/04	51700306	6A3	6	THCS 915 Gia Sàng	TP. Thái Nguyên	Thái Nguyên	Phòng thi số 4
81	Nguyễn Ngọc	Hoa	27/Jul/04	51700308	6A3	6	THCS 915 Gia Sàng	TP. Thái Nguyên	Thái Nguyên	Phòng thi số 4
82	Nguyễn Quang	Sáng	4/Mar/04	51700309	6A3	6	THCS 915 Gia Sàng	TP. Thái Nguyên	Thái Nguyên	Phòng thi số 4
83	Nguyễn Thái	Son	6/Apr/04	51700310	6A3	6	THCS 915 Gia Sàng	TP. Thái Nguyên	Thái Nguyên	Phòng thi số 4
84	Trần Thảo	Quỳnh	17/Apr/04	51700319	6A3	6	THCS 915 Gia Sàng	TP. Thái Nguyên	Thái Nguyên	Phòng thi số 4
85	Trương Đức	Anh	13/Nov/04	51700320	6A3	6	THCS 915 Gia Sàng	TP. Thái Nguyên	Thái Nguyên	Phòng thi số 4
86	Đinh Mai	Lan	20/Dec/03	51700321	7A1	7	THCS 915 Gia Sàng	TP. Thái Nguyên	Thái Nguyên	Phòng thi số 4
87	Chu Dương	Lâm	6/Jul/03	51700328	7A2	7	THCS 915 Gia Sàng	TP. Thái Nguyên	Thái Nguyên	Phòng thi số 4
88	Hoàng Nhật	Minh	26/Dec/03	51700329	7A2	7	THCS 915 Gia Sàng	TP. Thái Nguyên	Thái Nguyên	Phòng thi số 4
89	La Thảo	Trang	21/Mar/03	51700330	7A2	7	THCS 915 Gia Sàng	TP. Thái Nguyên	Thái Nguyên	Phòng thi số 4
90	Nguyễn Tiến	Tân	15/Nov/03	51700336	7A2	7	THCS 915 Gia Sàng	TP. Thái Nguyên	Thái Nguyên	Phòng thi số 4
91	Phạm Hương	Giang	26/Jan/03	51700338	7A2	7	THCS 915 Gia Sàng	TP. Thái Nguyên	Thái Nguyên	Phòng thi số 4
92	Nguyễn Hoàng	Bách	12/Jun/04	51702005		6	THCS 915 Gia Sàng	TP. Thái Nguyên	Thái Nguyên	Phòng thi số 4
93	Lê Bảo	Phương	26/Apr/04	51700373	6A1	6	THCS Chu Văn An	TP. Thái Nguyên	Thái Nguyên	Phòng thi số 4
94	Nguyễn Quang	Minh	19/Jan/04	51700379	6A1	6	THCS Chu Văn An	TP. Thái Nguyên	Thái Nguyên	Phòng thi số 4
95	Nguyễn Quỳnh	Anh	23/Jan/04	51700381	6A1	6	THCS Chu Văn An	TP. Thái Nguyên	Thái Nguyên	Phòng thi số 4
96	Nguyễn Thị Thảo	Ngân	23/Jan/04	51700383	6A1	6	THCS Chu Văn An	TP. Thái Nguyên	Thái Nguyên	Phòng thi số 4
97	Nguyễn Thị Thu	Hiền	20/Apr/04	51700384	6A1	6	THCS Chu Văn An	TP. Thái Nguyên	Thái Nguyên	Phòng thi số 5
98	Nguyễn Thu	An	8/Sep/04	51700386	6A1	6	THCS Chu Văn An	TP. Thái Nguyên	Thái Nguyên	Phòng thi số 5
99	Phạm Quốc	Khánh	20/Nov/04	51700402	6A2	6	THCS Chu Văn An	TP. Thái Nguyên	Thái Nguyên	Phòng thi số 5
100	Trần Đình	Long	2/Feb/04	51700405	6A2	6	THCS Chu Văn An	TP. Thái Nguyên	Thái Nguyên	Phòng thi số 5
101	Trần Hữu	Đạo	31/Dec/04	51700406	6A2	6	THCS Chu Văn An	TP. Thái Nguyên	Thái Nguyên	Phòng thi số 5
102	Trần Linh	Trang	6/Jan/04	51700407	6A2	6	THCS Chu Văn An	TP. Thái Nguyên	Thái Nguyên	Phòng thi số 5
103	Nguyễn Minh Ngọc	Quỳnh	21/May/04	51700418	6A3	6	THCS Chu Văn An	TP. Thái Nguyên	Thái Nguyên	Phòng thi số 5
104	Nguyễn Tiến	Mạnh	10/Jul/04	51700419	6A3	6	THCS Chu Văn An	TP. Thái Nguyên	Thái Nguyên	Phòng thi số 5
105	Nguyễn Hoàng	Vũ	14/Jul/04	51700432	6A4	6	THCS Chu Văn An	TP. Thái Nguyên	Thái Nguyên	Phòng thi số 5
106	Nguyễn Như	Quỳnh	13/Feb/04	51700436	6A4	6	THCS Chu Văn An	TP. Thái Nguyên	Thái Nguyên	Phòng thi số 5
107	Nguyễn Quốc	Dũng	27/Nov/04	51700437	6A4	6	THCS Chu Văn An	TP. Thái Nguyên	Thái Nguyên	Phòng thi số 5

STT No.	Họ và tên Full name		Ngày/tháng/năm sinh Date of birth dd/mm/yyyy	Số báo danh	Lớp Class	Khối Grade	Tên Trường School	Quận District	Thành phố City	Phòng thi
108	Phạm Long	Vũ	11/Dec/04	51700442	6A4	6	THCS Chu Văn An	TP. Thái Nguyên	Thái Nguyên	Phòng thi số 5
109	Võ Hà	Nguyễn	4/May/04	51700447	6A4	6	THCS Chu Văn An	TP. Thái Nguyên	Thái Nguyên	Phòng thi số 5
110	Ninh Bảo	Lâm	1/Feb/04	51700464	6A5	6	THCS Chu Văn An	TP. Thái Nguyên	Thái Nguyên	Phòng thi số 5
111	Trần Thu	Hằng	13/Jan/04	51700467	6A5	6	THCS Chu Văn An	TP. Thái Nguyên	Thái Nguyên	Phòng thi số 5
112	Đoàn Minh	Ngọc	30/May/03	51700472	7A2	7	THCS Chu Văn An	TP. Thái Nguyên	Thái Nguyên	Phòng thi số 5
113	Hà Đức	Hùng	21/Feb/03	51700473	7A2	7	THCS Chu Văn An	TP. Thái Nguyên	Thái Nguyên	Phòng thi số 5
114	Hà Phương	Mai	12/Apr/03	51700474	7A2	7	THCS Chu Văn An	TP. Thái Nguyên	Thái Nguyên	Phòng thi số 5
115	Ngô Hương	Giang	30/Jul/03	51700476	7A2	7	THCS Chu Văn An	TP. Thái Nguyên	Thái Nguyên	Phòng thi số 5
116	Nguyễn Khắc	Nhật	8/Sep/03	51700482	7A2	7	THCS Chu Văn An	TP. Thái Nguyên	Thái Nguyên	Phòng thi số 5
117	Đặng Khánh	Linh	19/Sep/03	51700489	7A3	7	THCS Chu Văn An	TP. Thái Nguyên	Thái Nguyên	Phòng thi số 5
118	Nguyễn Thu	Hương	13/Apr/03	51700499	7A3	7	THCS Chu Văn An	TP. Thái Nguyên	Thái Nguyên	Phòng thi số 5
119	Trần Huệ	Linh	1/Mar/03	51700501	7A3	7	THCS Chu Văn An	TP. Thái Nguyên	Thái Nguyên	Phòng thi số 5
120	Bùi Đại	Thiên	14/Jul/03	51700504	7A4	7	THCS Chu Văn An	TP. Thái Nguyên	Thái Nguyên	Phòng thi số 5
121	Cao Đức	Đạt	29/Jun/03	51700505	7A4	7	THCS Chu Văn An	TP. Thái Nguyên	Thái Nguyên	Phòng thi số 6
122	Dương Quỳnh	Phương	8/Jan/03	51700507	7A4	7	THCS Chu Văn An	TP. Thái Nguyên	Thái Nguyên	Phòng thi số 6
123	Nguyễn Như	Dương	22/Feb/03	51700511	7A4	7	THCS Chu Văn An	TP. Thái Nguyên	Thái Nguyên	Phòng thi số 6
124	Nguyễn Thanh Hoài	Anh	14/Nov/03	51700512	7A4	7	THCS Chu Văn An	TP. Thái Nguyên	Thái Nguyên	Phòng thi số 6
125	Nguyễn Thị Thanh	Nhã	11/Aug/03	51700513	7A4	7	THCS Chu Văn An	TP. Thái Nguyên	Thái Nguyên	Phòng thi số 6
126	Phan Thị Hải	Yến	17/Aug/03	51700516	7A4	7	THCS Chu Văn An	TP. Thái Nguyên	Thái Nguyên	Phòng thi số 6
127	Vương Đỗ Quang	Minh	26/Apr/03	51700518	7A4	7	THCS Chu Văn An	TP. Thái Nguyên	Thái Nguyên	Phòng thi số 6
128	Trần Ngọc	Mai	19/Mar/03	51700531	7A5	7	THCS Chu Văn An	TP. Thái Nguyên	Thái Nguyên	Phòng thi số 6
129	Đặng Thị Ngân	Hà	18/Sep/02	51700569	8A3	8	THCS Chu Văn An	TP. Thái Nguyên	Thái Nguyên	Phòng thi số 6
130	Nguyễn Minh	Hạnh	31/Jan/02	51700574	8A3	8	THCS Chu Văn An	TP. Thái Nguyên	Thái Nguyên	Phòng thi số 6
131	Nguyễn Trà	My	13/Jun/02	51700575	8A3	8	THCS Chu Văn An	TP. Thái Nguyên	Thái Nguyên	Phòng thi số 6
132	Trần Mai	Chi	27/Feb/02	51700578	8A3	8	THCS Chu Văn An	TP. Thái Nguyên	Thái Nguyên	Phòng thi số 6
133	Nguyễn Văn	Huy	12/May/02	51700589	8A4	8	THCS Chu Văn An	TP. Thái Nguyên	Thái Nguyên	Phòng thi số 6
134	Phạm Phương	Thảo	13/Aug/02	51700592	8A4	8	THCS Chu Văn An	TP. Thái Nguyên	Thái Nguyên	Phòng thi số 6
135	Phạm Quốc	Anh	5/Jun/02	51700593	8A4	8	THCS Chu Văn An	TP. Thái Nguyên	Thái Nguyên	Phòng thi số 6
136	Vũ Thị Minh	Chi	22/Sep/02	51700600	8A4	8	THCS Chu Văn An	TP. Thái Nguyên	Thái Nguyên	Phòng thi số 6

STT No.	Họ và tên Full name		Ngày/tháng/năm sinh Date of birth dd/mm/yyyy	Số báo danh	Lớp Class	Khối Grade	Tên Trường School	Quận District	Thành phố City	Phòng thi
137	Bế Cao	Son	12/Aug/02	51700601	8A5	8	THCS Chu Văn An	TP. Thái Nguyên	Thái Nguyên	Phòng thi số 6
138	Đặng Doãn Cẩm	Ly	18/Oct/02	51700602	8A5	8	THCS Chu Văn An	TP. Thái Nguyên	Thái Nguyên	Phòng thi số 6
139	Đào Thị Diễm	Quỳnh	1/Jun/02	51700604	8A5	8	THCS Chu Văn An	TP. Thái Nguyên	Thái Nguyên	Phòng thi số 6
140	Dương Khánh	Trường	24/Apr/02	51700605	8A5	8	THCS Chu Văn An	TP. Thái Nguyên	Thái Nguyên	Phòng thi số 6
141	Ngô Hiền	Minh	19/Aug/02	51700609	8A5	8	THCS Chu Văn An	TP. Thái Nguyên	Thái Nguyên	Phòng thi số 6
142	Nguyễn Diệu	Linh	14/Sep/02	51700611	8A5	8	THCS Chu Văn An	TP. Thái Nguyên	Thái Nguyên	Phòng thi số 6
143	Nguyễn Thị Hoàng	Anh	26/Nov/02	51700613	8A5	8	THCS Chu Văn An	TP. Thái Nguyên	Thái Nguyên	Phòng thi số 6
144	Trần Ngọc Hiền	Linh	12/Jul/02	51700621	8A5	8	THCS Chu Văn An	TP. Thái Nguyên	Thái Nguyên	Phòng thi số 6
145	Bế Duy	Nhật	27/May/01	51700648	9A3	9	THCS Chu Văn An	TP. Thái Nguyên	Thái Nguyên	Phòng thi số 7
146	Lê N Đại	Bảo	1/Dec/01	51700654	9A4	9	THCS Chu Văn An	TP. Thái Nguyên	Thái Nguyên	Phòng thi số 7
147	Tạ D Hồng	Nhung	25/Apr/01	51700658	9A4	9	THCS Chu Văn An	TP. Thái Nguyên	Thái Nguyên	Phòng thi số 7
148	Nguyễn Cẩm	Tú	15/Aug/04	51700683	6A1	6	THCS Độc Lập	TP. Thái Nguyên	Thái Nguyên	Phòng thi số 7
149	Nguyễn Huyền	Linh	20/Oct/04	51700684	6A1	6	THCS Độc Lập	TP. Thái Nguyên	Thái Nguyên	Phòng thi số 7
150	Nguyễn Hương	Thảo	29/Jan/03	51700702	7A1	7	THCS Độc Lập	TP. Thái Nguyên	Thái Nguyên	Phòng thi số 7
151	Nguyễn Tiến	Đạt	4/Oct/03	51700708	7A1	7	THCS Độc Lập	TP. Thái Nguyên	Thái Nguyên	Phòng thi số 7
152	Vũ Nguyên	Dũng	7/Aug/03	51700711	7A1	7	THCS Độc Lập	TP. Thái Nguyên	Thái Nguyên	Phòng thi số 7
153	Vũ Phạm Quốc	Huy	3/Oct/03	51700712	7A1	7	THCS Độc Lập	TP. Thái Nguyên	Thái Nguyên	Phòng thi số 7
154	Dương Hương	Giang	25/Aug/02	51700714	8A1	8	THCS Độc Lập	TP. Thái Nguyên	Thái Nguyên	Phòng thi số 7
155	Võ Trần Cẩm	Nhung	18/Mar/02	51700721	8A1	8	THCS Độc Lập	TP. Thái Nguyên	Thái Nguyên	Phòng thi số 7
156	Hoàng Ngọc	Huyền	8/Jan/03	51700746	7A	7	THCS Đồng Bầm	TP. Thái Nguyên	Thái Nguyên	Phòng thi số 7
157	Bùi Thị Như	Ngọc	18/Feb/03	51700769	7a2	7	THCS Đồng Quang	TP. Thái Nguyên	Thái Nguyên	Phòng thi số 7
158	Bùi Lê Phương	Anh	10/Oct/03	51700770	7a2	7	THCS Đồng Quang	TP. Thái Nguyên	Thái Nguyên	Phòng thi số 7
159	Đàm Thế	Hùng	26/May/03	51700771	7a2	7	THCS Đồng Quang	TP. Thái Nguyên	Thái Nguyên	Phòng thi số 7
160	Lưu Phương	Linh	20/Jan/03	51700773	7a2	7	THCS Đồng Quang	TP. Thái Nguyên	Thái Nguyên	Phòng thi số 7
161	Đỗ Anh	Khoa	22/Dec/03	51700787	7a4	7	THCS Đồng Quang	TP. Thái Nguyên	Thái Nguyên	Phòng thi số 7
162	Nguyễn Kim	Ngọc	8/Sep/01	51700804	9a1	9	THCS Đồng Quang	TP. Thái Nguyên	Thái Nguyên	Phòng thi số 7
163	Nguyễn Thị Hải	Chi	10/Sep/01	51700806	9a1	9	THCS Đồng Quang	TP. Thái Nguyên	Thái Nguyên	Phòng thi số 7
164	Mai Nguyên	Phương	26/Mar/01	51700838	9A1	9	THCS Lương Ngọc Quyến	TP. Thái Nguyên	Thái Nguyên	Phòng thi số 7
165	Nguyễn Thị Hiền	Linh	24/Jun/04	51702010	6D	6	THCS Nguyễn Du	TP. Thái Nguyên	Thái Nguyên	Phòng thi số 7

STT No.	Họ và tên Full name		Ngày/tháng/năm sinh Date of birth dd/mm/yyyy	Số báo danh	Lớp Class	Khối Grade	Tên Trường School	Quận District	Thành phố City	Phòng thi
166	Phạm Thị	Phuong	1/Aug/01	51702021	9C	9	THCS Nguyễn Du	TP. Thái Nguyên	Thái Nguyên	Phòng thi số 7
167	Cáp Thanh	Mai	19/Jan/03	51702024	7D	7	THCS Nguyễn Du	TP. Thái Nguyên	Thái Nguyên	Phòng thi số 7
168	Vũ Thiên	Dương	18/Feb/03	51702028	7D	7	THCS Nguyễn Du	TP. Thái Nguyên	Thái Nguyên	Phòng thi số 7
169	Bùi Minh	Châu	27/Oct/04	51700001	6A1	6	THCS Nha Trang	TP. Thái Nguyên	Thái Nguyên	Phòng thi số 8
170	Hoàng Đức	Văn	3/May/04	51700002	6A1	6	THCS Nha Trang	TP. Thái Nguyên	Thái Nguyên	Phòng thi số 8
171	Nguyễn Yên	Chi	14/Feb/04	51700003	6A1	6	THCS Nha Trang	TP. Thái Nguyên	Thái Nguyên	Phòng thi số 8
172	Lê Quang	Hà	30/Aug/04	51700006	6A2	6	THCS Nha Trang	TP. Thái Nguyên	Thái Nguyên	Phòng thi số 8
173	Vũ Hải	Huyền	8/Dec/04	51700010	6A2	6	THCS Nha Trang	TP. Thái Nguyên	Thái Nguyên	Phòng thi số 8
174	Dương Đoàn Thảo	Minh	22/Dec/04	51700014	6A4	6	THCS Nha Trang	TP. Thái Nguyên	Thái Nguyên	Phòng thi số 8
175	Nguyễn Đức	Hung	9/Jan/04	51700029	6A6	6	THCS Nha Trang	TP. Thái Nguyên	Thái Nguyên	Phòng thi số 8
176	Nguyễn Gia	Bảo	11/Sep/04	51700030	6A6	6	THCS Nha Trang	TP. Thái Nguyên	Thái Nguyên	Phòng thi số 8
177	Phan Trung	Nguyễn	31/Jul/04	51700039	6A7	6	THCS Nha Trang	TP. Thái Nguyên	Thái Nguyên	Phòng thi số 8
178	Dương Hà Đức	Anh	24/Nov/03	51700041	7A1	7	THCS Nha Trang	TP. Thái Nguyên	Thái Nguyên	Phòng thi số 8
179	Lê Như Hà	My	21/Mar/03	51700045	7A1	7	THCS Nha Trang	TP. Thái Nguyên	Thái Nguyên	Phòng thi số 8
180	Lê Phương	Thảo	23/Mar/03	51700046	7A1	7	THCS Nha Trang	TP. Thái Nguyên	Thái Nguyên	Phòng thi số 8
181	Nguyễn Thị Diệu	Linh	29/Apr/03	51700051	7A1	7	THCS Nha Trang	TP. Thái Nguyên	Thái Nguyên	Phòng thi số 8
182	Đào Tiểu	Nhi	20/Jul/03	51700062	7A2	7	THCS Nha Trang	TP. Thái Nguyên	Thái Nguyên	Phòng thi số 8
183	Đỗ Kiều	Oanh	23/Jan/03	51700064	7A2	7	THCS Nha Trang	TP. Thái Nguyên	Thái Nguyên	Phòng thi số 8
184	Nguyễn Lan	Anh	8/Aug/03	51700070	7A2	7	THCS Nha Trang	TP. Thái Nguyên	Thái Nguyên	Phòng thi số 8
185	Nguyễn Ngọc	Minh	24/Nov/03	51700071	7A2	7	THCS Nha Trang	TP. Thái Nguyên	Thái Nguyên	Phòng thi số 8
186	Trần Việt	Hung	11/Aug/03	51700082	7A2	7	THCS Nha Trang	TP. Thái Nguyên	Thái Nguyên	Phòng thi số 8
187	Vũ Trần Linh	Trang	21/Dec/03	51700084	7A2	7	THCS Nha Trang	TP. Thái Nguyên	Thái Nguyên	Phòng thi số 8
188	Nguyễn Đức	Hiệp	19/Nov/03	51700086	7A3	7	THCS Nha Trang	TP. Thái Nguyên	Thái Nguyên	Phòng thi số 8
189	Nguyễn Huyền	Trang	5/Aug/03	51700088	7A3	7	THCS Nha Trang	TP. Thái Nguyên	Thái Nguyên	Phòng thi số 8
190	Nguyễn Quỳnh	Trang	20/Feb/03	51700090	7A3	7	THCS Nha Trang	TP. Thái Nguyên	Thái Nguyên	Phòng thi số 8
191	Phạm Đăng	Hung	20/Jan/03	51700092	7A3	7	THCS Nha Trang	TP. Thái Nguyên	Thái Nguyên	Phòng thi số 8
192	Trần Thị Ngọc	Lan	3/Sep/03	51700094	7A3	7	THCS Nha Trang	TP. Thái Nguyên	Thái Nguyên	Phòng thi số 8
193	Trương Linh	Huệ	17/Nov/03	51700096	7A3	7	THCS Nha Trang	TP. Thái Nguyên	Thái Nguyên	Phòng thi số 9
194	Vũ Minh	Trang	9/Dec/03	51700098	7A3	7	THCS Nha Trang	TP. Thái Nguyên	Thái Nguyên	Phòng thi số 9

STT No.	Họ và tên Full name		Ngày/tháng/năm sinh Date of birth dd/mm/yyyy	Số báo danh	Lớp Class	Khối Grade	Tên Trường School	Quận District	Thành phố City	Phòng thi
195	Hoàng Xuân	Quyết	20/Nov/03	51700102	7A4	7	THCS Nha Trang	TP. Thái Nguyên	Thái Nguyên	Phòng thi số 9
196	Nguyễn Anh	Vũ	11/Jul/03	51700103	7A4	7	THCS Nha Trang	TP. Thái Nguyên	Thái Nguyên	Phòng thi số 9
197	Bùi Xuân	Hiển	15/Sep/03	51700114	7A6	7	THCS Nha Trang	TP. Thái Nguyên	Thái Nguyên	Phòng thi số 9
198	Trịnh Ngọc	Dung	9/Oct/03	51700116	7A6	7	THCS Nha Trang	TP. Thái Nguyên	Thái Nguyên	Phòng thi số 9
199	Đinh Thị Phương	Trình	22/Aug/03	51700117	7A7	7	THCS Nha Trang	TP. Thái Nguyên	Thái Nguyên	Phòng thi số 9
200	Hà Diệp	Linh	29/May/03	51700130	7A8	7	THCS Nha Trang	TP. Thái Nguyên	Thái Nguyên	Phòng thi số 9
201	Đào Hương	Ly	27/Jul/02	51700141	8A2	8	THCS Nha Trang	TP. Thái Nguyên	Thái Nguyên	Phòng thi số 9
202	Đoàn Ngân	Tú	24/Jan/02	51700143	8A2	8	THCS Nha Trang	TP. Thái Nguyên	Thái Nguyên	Phòng thi số 9
203	Ngô Thu	Nga	14/Apr/02	51700147	8A2	8	THCS Nha Trang	TP. Thái Nguyên	Thái Nguyên	Phòng thi số 9
204	Nguyễn Việt Phương	Linh	13/Nov/02	51700150	8A2	8	THCS Nha Trang	TP. Thái Nguyên	Thái Nguyên	Phòng thi số 9
205	Bùi Hồng	Nhung	2/Oct/02	51700155	8A3	8	THCS Nha Trang	TP. Thái Nguyên	Thái Nguyên	Phòng thi số 9
206	Đinh Quang	Thành	1/Sep/02	51700156	8A3	8	THCS Nha Trang	TP. Thái Nguyên	Thái Nguyên	Phòng thi số 9
207	Nguyễn Đăng	Dương	21/Jun/02	51700159	8A3	8	THCS Nha Trang	TP. Thái Nguyên	Thái Nguyên	Phòng thi số 9
208	Nguyễn Lê Ngân	Hằng	10/Dec/02	51700160	8A3	8	THCS Nha Trang	TP. Thái Nguyên	Thái Nguyên	Phòng thi số 9
209	Ma Thị Huyền	Trang	22/Aug/02	51700186	8A8	8	THCS Nha Trang	TP. Thái Nguyên	Thái Nguyên	Phòng thi số 9
210	Hồ Diệu	Anh	10/Feb/01	51700193	9A1	9	THCS Nha Trang	TP. Thái Nguyên	Thái Nguyên	Phòng thi số 9
211	Hoàng Đình	Long	28/Oct/01	51700194	9A1	9	THCS Nha Trang	TP. Thái Nguyên	Thái Nguyên	Phòng thi số 9
212	Hoàng Phương	Linh	29/Aug/00	51700196	9A1	9	THCS Nha Trang	TP. Thái Nguyên	Thái Nguyên	Phòng thi số 9
213	Mông Đình	Hiếu	16/Jul/01	51700199	9A1	9	THCS Nha Trang	TP. Thái Nguyên	Thái Nguyên	Phòng thi số 9
214	Nguyễn Anh	Đức	16/Feb/01	51700201	9A1	9	THCS Nha Trang	TP. Thái Nguyên	Thái Nguyên	Phòng thi số 9
215	Nguyễn Ngọc	Anh	30/Oct/01	51700205	9A1	9	THCS Nha Trang	TP. Thái Nguyên	Thái Nguyên	Phòng thi số 9
216	Nguyễn Tất	Đạt	5/Jan/01	51700207	9A1	9	THCS Nha Trang	TP. Thái Nguyên	Thái Nguyên	Phòng thi số 9
217	Nguyễn Thị Phương	Thảo	19/Nov/01	51700211	9A1	9	THCS Nha Trang	TP. Thái Nguyên	Thái Nguyên	Phòng thi số 10
218	Trần Hải	Yến	29/Sep/01	51700217	9A1	9	THCS Nha Trang	TP. Thái Nguyên	Thái Nguyên	Phòng thi số 10
219	Nguyễn Chí	Đạt	30/Nov/01	51700234	9A2	9	THCS Nha Trang	TP. Thái Nguyên	Thái Nguyên	Phòng thi số 10
220	Trần Ngọc	Linh	3/May/01	51700242	9A2	9	THCS Nha Trang	TP. Thái Nguyên	Thái Nguyên	Phòng thi số 10
221	Trịnh Thùy	Linh	27/Sep/01	51700244	9A2	9	THCS Nha Trang	TP. Thái Nguyên	Thái Nguyên	Phòng thi số 10
222	Vũ Huy	Hoàng	30/Sep/01	51700245	9A2	9	THCS Nha Trang	TP. Thái Nguyên	Thái Nguyên	Phòng thi số 10
223	Vũ Mạnh	Cường	30/Oct/01	51700246	9A2	9	THCS Nha Trang	TP. Thái Nguyên	Thái Nguyên	Phòng thi số 10

STT No.	Họ và tên Full name		Ngày/tháng/năm sinh Date of birth dd/mm/yyyy	Số báo danh	Lớp Class	Khối Grade	Tên Trường School	Quận District	Thành phố City	Phòng thi
224	Đào Ngọc	Huyền	24/Sep/01	51700248	9A3	9	THCS Nha Trang	TP. Thái Nguyên	Thái Nguyên	Phòng thi số 10
225	Lê Minh	Đức	13/Aug/01	51700249	9A3	9	THCS Nha Trang	TP. Thái Nguyên	Thái Nguyên	Phòng thi số 10
226	Đình Huy	Hoàn	19/Jun/01	51700253	9A4	9	THCS Nha Trang	TP. Thái Nguyên	Thái Nguyên	Phòng thi số 10
227	Phạm Tuấn	Anh	11/Apr/01	51700255	9A4	9	THCS Nha Trang	TP. Thái Nguyên	Thái Nguyên	Phòng thi số 10
228	Phạm Thị Hà	Vy	17/Dec/02	51702004		8	THCS Nha Trang	TP. Thái Nguyên	Thái Nguyên	Phòng thi số 10
229	Đoàn Hiếu	Quân	20/Mar/04	51700839	6A2	6	THCS Phú Xá	TP. Thái Nguyên	Thái Nguyên	Phòng thi số 10
230	Trần Ngọc	Ánh	23/Dec/04	51700845	6A3	6	THCS Phú Xá	TP. Thái Nguyên	Thái Nguyên	Phòng thi số 10
231	Nguyễn Hữu	Đạt	22/Nov/04	51700846	6A4	6	THCS Phú Xá	TP. Thái Nguyên	Thái Nguyên	Phòng thi số 10
232	Đặng Thị	Quỳnh	12/Mar/03	51700847	7A1	7	THCS Phú Xá	TP. Thái Nguyên	Thái Nguyên	Phòng thi số 10
233	Lê Mai	Hương	17/May/03	51700848	7A2	7	THCS Phú Xá	TP. Thái Nguyên	Thái Nguyên	Phòng thi số 10
234	Lê Thị Quỳnh	Anh	18/Aug/03	51700850	7A2	7	THCS Phú Xá	TP. Thái Nguyên	Thái Nguyên	Phòng thi số 10
235	Võ Đức	Long	20/Nov/03	51700853	7A2	7	THCS Phú Xá	TP. Thái Nguyên	Thái Nguyên	Phòng thi số 10
236	Cao Thị	Quỳnh	19/Jul/03	51700854	7A3	7	THCS Phú Xá	TP. Thái Nguyên	Thái Nguyên	Phòng thi số 10
237	Vũ Đình	Bách	11/Jul/02	51700884	8A2	8	THCS Tân Lập	TP. Thái Nguyên	Thái Nguyên	Phòng thi số 10
238	Bùi Thủy	Anh	27/Mar/02	51700887	8A1	8	THCS Tân Long	TP. Thái Nguyên	Thái Nguyên	Phòng thi số 10
239	Nguyễn Tứ	Tuệ	9/Nov/02	51700893	8A2	8	THCS Tân Long	TP. Thái Nguyên	Thái Nguyên	Phòng thi số 10
240	Nguyễn Thu	Thảo	23/Dec/04	51700911	6A1	6	THCS Tân Thịnh	TP. Thái Nguyên	Thái Nguyên	Phòng thi số 10
241	Nguyễn Trần Phương	Thảo	17/May/04	51700912	6A1	6	THCS Tân Thịnh	TP. Thái Nguyên	Thái Nguyên	Phòng thi số 11
242	Phạm Anh	Tú	25/Feb/04	51700913	6A1	6	THCS Tân Thịnh	TP. Thái Nguyên	Thái Nguyên	Phòng thi số 11